

VAI TRÒ CỦA TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI TÍNH BỀN VỮNG CỦA CÁC CÔNG TY NHỎ VÀ VỪA VIỆT NAM

Tăng Mỹ Sang*

Ngày nhận bài: 29/04/2024

Ngày nhận bản sửa: 26/05/2024

Ngày duyệt đăng: 28/06/2024

Tóm tắt. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm tìm hiểu vai trò trung gian của trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong mối quan hệ giữa tài chính xanh, đầu tư xanh, công nghệ xanh và tính bền vững, đồng thời điều tra về tác động điều tiết của quản trị doanh nghiệp. Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng, thu thập dữ liệu từ 280 người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam. Kết quả phân tích mô hình SEM cho thấy tác động tích cực và có ý nghĩa thống kê của tài chính xanh, đầu tư xanh và công nghệ xanh đến tính bền vững. Ngoài ra, kết quả cũng xác nhận vai trò trung gian của CSR trong mối liên hệ giữa tài chính xanh, đầu tư xanh, công nghệ xanh và tính bền vững. Quản trị doanh nghiệp cũng được xác định là yếu tố điều tiết quan trọng, định hình việc chuyển các sáng kiến CSR thành các hoạt động bền vững. Nghiên cứu đã đóng góp về mặt lý thuyết về việc nhấn mạnh tầm quan trọng của tài chính xanh, đầu tư xanh, đổi mới công nghệ, CSR và quản trị doanh nghiệp trong việc tác động đến kết quả bền vững tại Việt Nam. Về mặt thực tế, nghiên cứu thúc đẩy tính bền vững, cung cấp tài liệu cho các quyết định chiến lược tài chính, sáng kiến CSR, tiến bộ công nghệ và cơ chế quản trị nội bộ cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam.

Từ khóa: Công nghệ xanh; Đầu tư xanh; Quản trị doanh nghiệp; Phát triển bền vững; Tài chính xanh; Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

1. Giới thiệu

Trong môi trường cạnh tranh hiện nay, tính bền vững đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển thịnh vượng của các doanh nghiệp. Tính bền vững liên quan đến nhiều khía cạnh khác nhau như đạo đức, đổi mới chiến lược và đảm bảo thành công lâu dài trong bối cảnh toàn cầu đang phát triển năng động. Tài chính xanh, đầu tư xanh và công nghệ xanh được xác định là những yếu tố không thể thiếu trong việc thúc đẩy các hoạt động bền vững trong các tổ chức (Wang và cộng sự, 2023). Bên cạnh đó, đầu tư xanh

*Trường Đại học Kinh tế - Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh, email: sangtm@uef.edu.vn

đóng vai trò khuyến khích doanh nghiệp áp dụng các hoạt động thân thiện với môi trường, tối ưu hóa việc sử dụng tài nguyên và đồng thời nâng cao hiệu quả hoạt động (Ye & Dela, 2023). Tương tự, công nghệ xanh góp phần nâng cao tính bền vững bằng cách tối ưu hóa việc sử dụng tài nguyên. Nói cách khác, việc nâng cao trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR) được coi là cần thiết vì nó gắn kết các mục tiêu kinh doanh với sự thịnh vượng của xã hội và môi trường. Khi các tổ chức ưu tiên ứng dụng công nghệ xanh, tài chính xanh trong bối cảnh CSR, là đã góp phần nâng cao tính bền vững (Wang và cộng sự, 2023). Hiệu quả của những sáng kiến này phụ thuộc vào cơ cấu tổ chức quản trị doanh nghiệp, được coi là yếu tố quyết định quan trọng trong mối quan hệ giữa CSR và tính bền vững. Lý thuyết đại diện cho rằng quản trị doanh nghiệp bền vững phải hướng đến lợi ích tốt nhất của các bên liên quan (Wang & Yan, 2023), phúc lợi xã hội, từ đó củng cố mối liên hệ giữa các cam kết CSR (Wang & Yan, 2023). Nghiên cứu trước đã chứng minh rằng quản trị doanh nghiệp đóng vai trò then chốt trong việc giám sát các hoạt động CSR, từ đó góp phần vào sự bền vững của tổ chức (Ye & Dela, 2023).

Việc thực hiện các sáng kiến CSR nhằm đáp ứng mong đợi của các bên liên quan là điều bắt buộc đối với các doanh nghiệp (Sachs và cộng sự, 2019). Các nghiên cứu này đã khám phá sự tương tác giữa tài chính xanh, đầu tư xanh, công nghệ xanh, CSR và quản trị doanh nghiệp trong việc ảnh hưởng đến tính bền vững. Tuy nhiên, rất ít nghiên cứu có xem xét đầu tư xanh và công nghệ xanh. Trong nghiên cứu của Pambudi và cộng sự (2022), tác động tích cực và đáng kể của đầu tư xanh đến tính bền vững đã được xác định thông qua vai trò trung gian của CSR. Mặc dù vậy, các nghiên cứu trước đã bỏ qua việc xem xét đầu tư xanh và công nghệ xanh và tác động điều tiết của quản trị doanh nghiệp vẫn chưa được khám phá. Đây chính là khoảng trống nghiên cứu.

Các quy định tại Việt Nam đã cho thấy vai trò quan trọng của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong việc thúc đẩy các hoạt động kinh doanh có ý thức về môi trường. Mặc dù có những đóng góp đáng kể nhưng các doanh nghiệp vừa và nhỏ vẫn phải đối mặt với những thách thức trong việc tiếp cận nguồn tài chính do quy mô kinh doanh hạn chế. Do đó, tài chính xanh là một yếu tố quan trọng giúp giảm thiểu tác động môi trường và nâng cao tính bền vững. Đầu tư xanh có ý nghĩa quan trọng trong bối cảnh các công ty sản xuất ở Việt Nam. Hơn nữa, quản trị doanh nghiệp bền vững là điều cần thiết để đảm bảo quản lý minh bạch và có đạo đức. Dựa trên tầm quan trọng và khoảng trống được xác định trong nghiên cứu trước đây, nghiên cứu hiện tại nhằm mục đích xem xét vai trò trung gian của CSR trong mối quan hệ giữa tài chính xanh, đầu tư xanh, công nghệ xanh và tính bền vững, đồng thời khám phá tác động điều tiết của quản trị

doanh nghiệp trong bối cảnh các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam. Về mặt lý thuyết, nghiên cứu này phát triển một mô hình toàn diện toàn diện hơn trong đó nhấn mạnh mối liên kết giữa các chiến lược tài chính, thực tiễn CSR, đổi mới công nghệ và cơ chế quản trị nội bộ trong việc tạo ra các kết quả bền vững. Về khía cạnh thực tiễn, những phát hiện của nghiên cứu giúp định hướng cho các nhà quản lý tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam về vai trò của CSR trong việc tăng cường các hoạt động xanh và cơ cấu quản trị nội bộ để đẩy mạnh các hoạt động bền vững. Phần còn lại của nghiên cứu được cấu trúc thành bốn phần gồm tổng quan tài liệu, phương pháp nghiên cứu, phân tích dữ liệu và thảo luận, hạn chế và hướng nghiên cứu trong tương lai.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Lý thuyết các bên liên quan

Lý thuyết các bên liên quan được sử dụng phổ biến trong nghiên cứu quản lý bền vững. Nội dung lý thuyết liên quan đến quản trị chiến lược, đạo đức kinh doanh và gần đây tập trung vào vấn đề phát triển bền vững, chủ đề trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (Al-shamali và cộng sự, 2013). Trong các tài liệu về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, lý thuyết các bên liên quan đã được chứng minh là cực kỳ có giá trị (Aribi & Gao, 2012). Khách hàng là bên liên quan quan trọng nhất quyết định khả năng cạnh tranh của tổ chức trên thị trường, là đối tượng giúp tổ chức phát triển hoạt động kinh doanh, sản phẩm mới. Ứng dụng lý thuyết này vào nghiên cứu hiện tại nhấn mạnh rằng các doanh nghiệp áp dụng chương trình CSR như một phương tiện thúc đẩy các chính sách và hành động có trách nhiệm với xã hội và đáp ứng hiệu quả nhu cầu của khách hàng. Động lực đáp ứng nhu cầu của khách hàng dẫn đến sự cải tiến trong hoạt động như các cải tiến xanh về công nghệ, tài chính và đầu tư.

2.2. Phát triển giả thuyết nghiên cứu

Đầu tư xanh liên quan đến phân bổ tài chính cho các dự án, sáng kiến hoặc công nghệ thân thiện với môi trường. Các khoản đầu tư này đảm nhận một vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tính bền vững bằng cách chuyển vốn vào các dự án kinh doanh thân thiện với môi trường, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển đổi sang một mô hình linh hoạt hơn (Freudenreich và cộng sự, 2020). Một số nghiên cứu trước đây đã tìm hiểu mối tương quan giữa đầu tư xanh và tính bền vững cho nhiều bối cảnh khác nhau, tại các quốc gia, ngành công nghiệp và khoảng thời gian khác nhau và cho thấy mối tương quan tích cực giữa đầu tư xanh và tính bền vững (Chen và cộng sự, 2023; Ioannou & Serafeim, 2019). Từ đó, giả thuyết nghiên cứu sau được đề xuất:

Giả thuyết H1. Đầu tư xanh tác động tích cực đến tính bền vững

Theo yêu cầu của xã hội, các công ty đã tăng cường tập trung vào phát triển bền vững, trong đó đầu tư xanh và CSR nổi lên như những yếu tố then chốt để thành công (Dikau & Volz, 2021). Một số nghiên cứu thực nghiệm đã chứng minh mối liên hệ cùng chiều của sự tham gia CSR tích cực và xu hướng đầu tư vào các dự án năng lượng bền vững, đảm bảo nguồn tài chính xanh cho các sáng kiến thân thiện với môi trường (Ye & Dela, 2023; Dikau & Volz, 2021). Nghiên cứu trước cũng phát hiện ra rằng thể chế, cơ hội đầu tư xanh và nguồn tài chính là những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến mối quan hệ này (Xu và cộng sự, 2020). Mối tương quan tích cực giữa các sáng kiến đầu tư xanh và CSR, từ đó góp phần đạt được các mục tiêu bền vững cũng đã được xác nhận (Ye & Dela, 2023). Dựa vào các nghiên cứu trước, giả thuyết sau đây được đề xuất:

Giả thuyết H2. Đầu tư xanh tác động tích cực đến CSR.

Giả thuyết H3. CSR đóng vai trò trung gian tích cực đối với mối liên hệ giữa đầu tư xanh và tính bền vững.

Tài chính xanh là những công cụ tài chính được thiết kế riêng để thúc đẩy tính bền vững. Nghiên cứu trước đã khẳng định vai trò then chốt của tài chính xanh trong việc tăng cường tính bền vững (Guo và cộng sự, 2020). Khababa & Jalingo (2023) cũng đã xác định mối tương quan cùng chiều giữa tài chính xanh và tính bền vững, chứng minh rằng khi tài chính xanh tăng cao làm giảm lượng khí thải carbon, đóng góp đáng kể cho tính bền vững. Ngoài ra, Wang và cộng sự (2023) cũng đã xác nhận rằng khi sử dụng tài chính xanh, các công ty và ngành đã đóng góp đáng kể cho tính bền vững. Raberto và cộng sự (2019) cũng cho thấy các khoản đầu tư trực tiếp thông qua cơ chế tài chính xanh có đã thúc đẩy tính bền vững. Do đó, bài viết đề xuất giả thuyết nghiên cứu sau:

Giả thuyết H4. Tài chính xanh tác động cùng chiều đến tính bền vững.

Tài chính xanh liên quan đến nguồn tài chính hướng tới môi trường (Tran và cộng sự, 2020). Các bên liên quan không chỉ mong đợi các công ty ưu tiên tạo ra lợi nhuận mà còn nhấn mạnh đến tính bền vững. Tài chính xanh và CSR có chung các mục tiêu và nguyên tắc nền tảng nhất quán, được xem là một công cụ có giá trị thúc đẩy giá trị này từ cả góc độ môi trường và xã hội (Wang và cộng sự, 2023). Việc kết hợp tài chính xanh vào các hoạt động CSR được coi là cách tiếp cận chiến lược để các doanh nghiệp đạt được mục tiêu phát triển lâu dài (Chen và cộng sự, 2023). Các nghiên cứu trước cho rằng việc tích hợp tài chính xanh vào chiến lược CSR cho phép các doanh nghiệp có

những đóng góp có ý nghĩa cho tính bền vững (Wang và cộng sự, 2023; Zheng và cộng sự, 2021). Từ đó, nghiên cứu đặt ra các giả thuyết nghiên cứu sau:

Giả thuyết H5: Tài chính xanh có ảnh hưởng tích cực đối với CSR

Giả thuyết H6: CSR đóng vai trò trung gian đáng kể cho mối liên hệ giữa tài chính xanh và tính bền vững.

Công nghệ xanh là công nghệ thân thiện với môi trường. Đây là công nghệ tạo ra những sản phẩm và ứng dụng được thiết kế để nâng cao tính bền vững (Guo và cộng sự, 2020). Về mặt thực nghiệm, nghiên cứu trước đã xem xét tác động của công nghệ xanh đối với tính bền vững và xác định tác động tích cực và có ý nghĩa thống kê (Wang và cộng sự, 2023). Hơn nữa Guo và cộng sự (2020) cũng đã phát hiện ra rằng việc áp dụng công nghệ xanh giúp nâng cao hiệu quả tài nguyên và giảm suy thoái môi trường, nhấn mạnh vai trò then chốt của công nghệ xanh trong việc thúc đẩy các mục tiêu bền vững. Từ đó, giả thuyết nghiên cứu sau được đề xuất:

Giả thuyết H7: Công nghệ xanh có tác động tích cực đến tính bền vững.

Nghiên cứu trước chỉ ra rằng công nghệ xanh đóng một vai trò quan trọng trong việc nâng cao CSR, từ đó góp phần làm tăng tính bền vững (Guo và cộng sự, 2020). Ngoài ra, Wang và cộng sự (2023) cũng xác định rằng các công ty sử dụng công nghệ xanh có xu hướng thu hút các nhà đầu tư và các bên liên quan quan tâm đến thực hành trách nhiệm xã hội, từ đó nâng cao danh tiếng CSR và thúc đẩy văn hóa doanh nghiệp bền vững. Bằng chứng thực nghiệm cũng chỉ ra rằng đầu tư xanh đóng một vai trò quan trọng trong việc tăng cường trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp nhằm nâng cao tính bền vững. Vì vậy, nghiên cứu đặt ra các giả thuyết nghiên cứu sau:

Giả thuyết H8: Công nghệ xanh có tác động tích cực đến CSR

Giả thuyết H9: CSR đóng vai trò trung gian tích cực trong mối liên hệ giữa công nghệ xanh và tính bền vững.

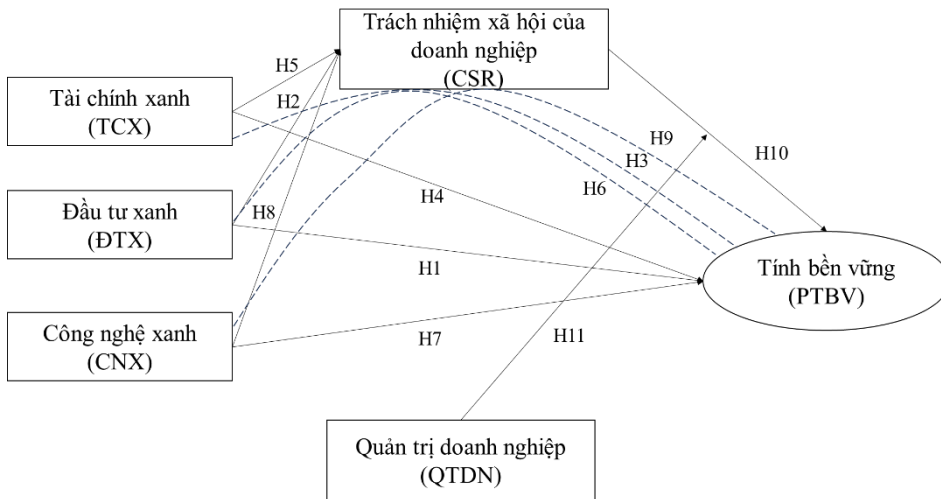
Giả thuyết H10: CSR có tác động tích cực đến tính bền vững.

Các nghiên cứu trước đây đã nhấn mạnh vai trò then chốt của quản trị công ty đối với tăng trưởng và thành công thông qua việc thúc đẩy thực hiện các sáng kiến CSR (Ye & Dela, 2023). Trong đó, CSR là việc tích hợp các hoạt động môi trường và xã hội vào quy trình và hoạt động thực tiễn của công ty để nâng cao tính bền vững (Khababa & Jalingo, 2023). CSR còn đóng vai trò là cơ chế mở rộng để giải quyết lợi ích của các bên liên quan khác nhau (Yang & Basile, 2022). Bên cạnh đó, các nghiên cứu gần đây

đã nhấn mạnh tầm quan trọng của quản trị công ty hiệu quả trong việc thúc đẩy các hành động và kết quả CSR. Một cơ cấu quản trị công ty mạnh có ảnh hưởng đáng kể đến việc tiếp thu và thực hiện các hoạt động CSR (Zheng và cộng sự, 2021). Hơn nữa, các công ty có cơ cấu quản trị công ty mạnh mẽ và hội đồng quản trị độc lập thể hiện xu hướng tham gia vào các hoạt động có trách nhiệm xã hội cao hơn (Mukhtaruddin và cộng sự, 2019), có thể nâng cao tính bền vững (Wu & Jin, 2022). Từ đó, giả thuyết nghiên cứu sau được đề xuất:

Giả thuyết H11: Quản trị doanh nghiệp có vai trò điều tiết đáng kể giữa CSR và tính bền vững.

Dựa vào cơ sở lý thuyết, bài viết đề xuất mô hình nghiên cứu theo hình 1.



Hình 1. Mô hình nghiên cứu

Nguồn: Đề xuất của tác giả, năm 2024

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này áp dụng phương pháp nghiên cứu định lượng, dữ liệu được khảo sát từ người lao động, bao gồm lãnh đạo và nhân viên đang làm việc tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam. Trong đó, lãnh đạo là những người lập kế hoạch chiến lược, ra quyết định và triển khai các hoạt động quản trị và trách nhiệm xã hội. Nhân viên là những người thụ hưởng hoặc có liên quan đến việc thực hành các hoạt động trách nhiệm xã hội, họ cũng là người chịu ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp bởi quản trị doanh nghiệp. Thang đo được kế thừa từ các nghiên cứu trước đó, trong đó công nghệ xanh được dựa vào nghiên cứu của Wasiq và cộng sự (2023), gồm 3 câu hỏi khảo sát. Thang đo tài chính xanh, đầu tư xanh và trách nhiệm xã hội được sử dụng dựa vào

nghiên cứu của Ye & Dela (2023). Quản trị doanh nghiệp được đánh giá bằng 4 nội dung và 16 câu hỏi, bao gồm trách nhiệm giải trình được đo bằng bốn mục, tính công bằng được đo bằng bốn mục, tính minh bạch được đo bằng bốn mục và tính độc lập của hội đồng quản trị được đo bằng bốn mục. Thang đo này dựa vào nghiên cứu của Abdullah (2021). Cuối cùng, tính bền vững được định lượng bằng 6 câu hỏi, thừa kế thang đo từ nghiên cứu của Ye & Dela (2023).

Các thang đo được đánh giá bằng thang đo Likert 5 điểm, trong đó 1 là “Hoàn toàn không đồng ý” và 5 là “Hoàn toàn đồng ý”. Tổng số câu hỏi khảo sát được gửi đi là 300 câu, số lượng câu hỏi thu lại là 285 câu, trong đó 280 câu hỏi hợp lệ được sử dụng để phân tích ở các bước tiếp theo. Để xử lý dữ liệu, phương pháp phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM) bằng phần mềm SmartPLS đã được dùng để kiểm tra độ tin cậy, giá trị thang đo, kiểm định mô hình đo lường, mô hình cấu trúc và các giả thuyết.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Mô tả thống kê

Kết quả thống kê nhân khẩu học của mẫu khảo sát cho thấy sự phân bố giới tính khá cân bằng giữa giới tính nam (59%) và nữ (41%). Phân bố về độ tuổi cho thấy nhân viên trẻ chiếm tỷ trọng chủ yếu, đặc biệt là trong độ tuổi 20-24. Điều này thể hiện sự chú trọng vào việc thu hút và bồi dưỡng tài năng trẻ. Tuy nhiên, cũng có 25% người lao động có độ tuổi trên 45 tuổi, cho thấy lực lượng lao động gồm nhiều thế hệ khác nhau. Xét về kinh nghiệm làm việc, một tỷ trọng lớn nhân viên có độ tuổi từ 5 đến 10 năm là đối tượng của mẫu khảo sát. Sự phân bố giữa người lao động là nhân viên và quản lý có tỷ trọng không chênh lệch nhau nhiều.

Về quy mô lao động, số lượng doanh nghiệp khảo sát dưới 50 lao động chiếm tỷ trọng chủ yếu (55%), quy mô từ 51 đến 100 lao động chiếm 27%. Tổng doanh thu hàng năm của doanh nghiệp dưới 3 tỷ chiếm 29,8% số lượng khảo sát, từ 3 đến 20 tỷ chiếm 26%, từ 21 đến 50 tỷ chiếm 21%. 17% số lượng đáp viên đang làm việc tại các doanh nghiệp được thành lập dưới 10 năm, 55% tại các doanh nghiệp được thành lập từ 10 đến 25 năm và 28% tại các doanh nghiệp được thành lập trên 25 năm. Các doanh nghiệp được khảo sát chủ yếu tập trung ở các khu vực trung tâm của miền Nam và miền Bắc, trong đó số lượng người được khảo sát đang làm việc tại miền Nam chiếm tỷ trọng 45%, miền Bắc chiếm tỷ trọng 42%. Tỷ trọng doanh nghiệp thuộc lĩnh vực thương mại chiếm 34% số lượng khảo sát, sản xuất chiếm 29,9%, dịch vụ chiếm 28%, lĩnh vực khác chiếm tỷ trọng 8,1%.

4.2. Kết quả đánh giá mô hình đo lường

4.2.1. Giá trị hội tụ

Giá trị hội tụ được đánh giá bằng hệ số tải ngoài, hệ số Cronbach's alpha, độ tin cậy tổng hợp và giá trị AVE. Theo đề xuất của Hair và cộng sự (2017), hệ số tải tối thiểu phải là 0,50. Ngưỡng giá trị của Cronbach's alpha là từ 0,7 trở lên. Độ tin cậy tổng hợp có ngưỡng từ 0,70 trở lên. Giá trị AVE phải lớn hơn 0,50. Kết quả nghiên cứu trong Bảng 1 thể hiện sự đáp ứng tất cả các giá trị ngưỡng.

Bảng 1. Kết quả phân tích mô hình đo lường

Yếu tố	Biến quan sát	Hệ số tải nhân tố	Giá trị Cronbach's Alpha	Độ tin cậy tổng hợp CR	Phương sai trích trung bình AVE
Quản trị doanh nghiệp (QTDN)	QTDN1	0,82	0,82	0,84	0,81
	QTDN2	0,83			
	QTDN3	0,77			
	QTDN4	0,80			
	QTDN5	0,86			
	QTDN6	0,85			
	QTDN7	0,84			
	QTDN8	0,82			
	QTDN9	0,79			
	QTDN10	0,77			
	QTDN11	0,83			
	QTDN12	0,84			
	QTDN13	0,78			
	QTDN14	0,79			
	QTDN15	0,85			
	QTDN16	0,87			
Phát triển bền vững (PTBV)	PTBV1	0,89	0,88	0,90	0,85
	PTBV2	0,84			
	PTBV3	0,87			
	PTBV4	0,89			
	PTBV5	0,86			
	PTBV6	0,85			

Tài chính xanh (TCX)	TCX1	0,85			
	TCX2	0,81			
	TCX3	0,87	0,78	0,80	0,764
	TCX4	0,89			
	TCX5	0,75			
Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR)	CSR1	0,87			
	CSR2	0,84			
	CSR3	0,76	0,87	0,89	0,84
	CSR4	0,71			
	CSR5	0,73			
Công nghệ xanh (CNX)	CNX1	0,83			
	CNX2	0,75	0,85	0,87	0,73
	CNX3	0,73			
Đầu tư xanh (ĐTX)	DTX1	0,81			
	DTX2	0,87			
	DTX3	0,84	0,80	0,82	0,86
	DTX4	0,86			
	DTX5	0,86			

Nguồn: Kết quả phân tích từ phần mềm SmartPLS

Để đánh giá giá trị phân biệt trong SmartPLS, hai tiêu chí có thể sử dụng gồm chỉ số Heterotrait-Monotrait (HTMT) và chỉ số Fornell-Larcker. Tuy nhiên, giá trị của HTMT thường được ưu tiên hơn khi đánh giá, ngưỡng giá trị của HTMT phải dưới 0,85, thể hiện giá trị phân biệt giữa các cấu trúc (Henseler, 2017). Các giá trị HTMT cao nhất của nghiên cứu này là 0,63, cho thấy đáp ứng ngưỡng yêu cầu.

4.3. Kết quả đánh giá mô hình cấu trúc

Kết quả bảng 2 cho thấy tài chính xanh có tác động tích cực và đáng kể đến tính bền vững ($\beta = 0,24$, $p < 0,001$). Điều này hàm ý rằng việc áp dụng các chiến lược tài chính hoặc phương thức đầu tư thân thiện với môi trường của các doanh nghiệp nhỏ và vừa góp phần đáng kể vào tính bền vững. Phát hiện này nhấn mạnh tầm ảnh hưởng của việc tích hợp các nguyên tắc tài chính xanh như một thành phần cơ bản của tính bền vững đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam, nơi ý thức về môi trường ngày càng được quan tâm nhiều hơn.

Bảng 2. Kết quả đánh giá mô hình cấu trúc

Giả thuyết	Mối quan hệ	Hệ số đường dẫn	Kiểm định t	Kiểm định p	Kết quả
Tác động trực tiếp					
H1	ĐTX → PTBV	0,18	5,68	0,000	Chấp nhận
H2	ĐTX → CSR	0,20	3,27	0,011	Chấp nhận
H4	TCX → PTBV	0,24	4,60	0,001	Chấp nhận
H5	TCX → CSR	0,15	3,40	0,002	Chấp nhận
H7	CNX → PTBV	0,12	5,39	0,000	Chấp nhận
H8	CNX → CSR	0,30	3,75	0,012	Chấp nhận
H10	CSR → PTBV	0,40	4,41	0,003	Chấp nhận
Tác động gián tiếp					
H3	TCX → CSR → PTBV	0,08	3,19	0,001	Chấp nhận
H6	ĐTX → CSR → PTBV	0,10	3,20	0,013	Chấp nhận
H9	CNX → CSR → PTBV	0,06	4,35	0,002	Chấp nhận
Tác động điều tiết					
H11	CSR*QTDN → PTBV	0,05	2,08	0,045	Chấp nhận

Ghi chú: QTDN: Quản trị doanh nghiệp; PTBV: Phát triển bền vững; TCX: Tài chính xanh; CSR: Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp; CNX: Công nghệ xanh; ĐTX: Đầu tư xanh.

Nguồn: Kết quả tính toán từ phần mềm SmartPLS 4.0

Đầu tư xanh cũng có tác động tích cực và đáng kể đến tính bền vững ($\beta = 0,182$, $p < 0,001$). Kết quả này liên quan đến việc phân bổ nguồn lực cho các dự án hoặc sáng kiến thân thiện với môi trường, phù hợp với sự chú trọng ngày càng tăng vào đầu tư thân thiện với môi trường tại Việt Nam. Những khoản đầu tư như vậy thúc đẩy chương

trình nghị sự bền vững của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước. Ngoài ra, tác động trực tiếp của việc áp dụng công nghệ đến tính bền vững rất đáng kể ($\beta = 0,124$, $p < 0,001$). Điều này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc kết hợp công nghệ tiên tiến để nâng cao các hoạt động bền vững trong các tổ chức này. Trong bối cảnh những tiến bộ công nghệ đang phổ biến ở Việt Nam, việc tận dụng các giải pháp đổi mới đóng vai trò quan trọng nhằm thúc đẩy các hoạt động bền vững giữa các doanh nghiệp.

Kết quả cũng cho thấy tài chính xanh có tác động tích cực và đáng kể đến CSR ($\beta = 0,153$, $p < 0,002$). Điều này có nghĩa là việc áp dụng những chiến lược tài chính có ý thức về môi trường có liên quan đến việc tăng hoạt động CSR, phản ánh cam kết đối với phúc lợi xã hội và môi trường. Đầu tư xanh ảnh hưởng đáng kể và tích cực đến CSR ($\beta = 0,202$, $p = 0,004$). Việc chuyển hướng đầu tư sang các dự án thân thiện với môi trường và tập trung vào các hoạt động CSR cho thấy văn hóa kinh doanh có trách nhiệm xã hội hơn. Hơn nữa, công nghệ xanh cũng cho thấy tác động đáng kể và tích cực đến CSR ($\beta = 0,302$, $p = 0,001$). Kết quả cũng đã xác nhận công nghệ xanh có tác động tích cực và đáng kể đến CSR. Bản thân CSR đã có tác động tích cực và đáng kể đến tính bền vững, nhấn mạnh tầm ảnh hưởng đáng kể của CSR đối với tính bền vững.

Nghiên cứu cũng xác định tác động trung gian của CSR đối với mối liên hệ giữa tài chính xanh, đầu tư xanh, đổi mới xanh và tính bền vững trong bối cảnh các doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam. Các phát hiện này cho thấy tác động của các hoạt động tài chính, quyết định đầu tư và cách tiếp cận đổi mới có ý thức về môi trường một phần được hiện thực hóa thông qua khả năng thúc đẩy văn hóa tổ chức theo định hướng CSR. Điều này nhấn mạnh tầm quan trọng của CSR như một cơ chế góp phần mang lại kết quả bền vững. Hơn nữa, nghiên cứu cho thấy tác động điều tiết của quản trị doanh nghiệp giúp tăng cường mối tương quan tích cực và đáng kể giữa CSR và tính bền vững. Kết quả này hàm ý rằng các đặc điểm hoặc chiến lược nội bộ của công ty đóng vai trò then chốt trong việc định hình cách thức các sáng kiến CSR chuyển thành các hoạt động bền vững. Các kết quả nghiên cứu dự kiến được nêu trong Bảng 3.

4.4. Thảo luận

Mục tiêu của nghiên cứu này là đánh giá ảnh hưởng của tài chính xanh, đầu tư xanh và công nghệ xanh đến tính bền vững, dưới tác động trung gian của CSR và tác động điều tiết của quản trị doanh nghiệp trong bối cảnh các doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam. Kết quả phân tích SmartPLS cho thấy mối quan hệ tích cực và có ý nghĩa thống kê giữa tài chính xanh và tính bền vững. Kết quả này phù hợp với những phát hiện từ các nghiên cứu trước đây, chỉ ra rằng các chiến lược tài chính có ý thức về môi

trường tác động đáng kể đến nỗ lực phát triển bền vững trong doanh nghiệp (Wang và cộng sự, 2023). Sự cống hiến cho hoạt động bền vững được thể hiện rõ ràng qua hoạt động sáng kiến xanh của Việt Nam về việc giảm lượng khí thải carbon thông qua đầu tư vào các hoạt động thân thiện với môi trường (Ye & Dela, 2023). Những phát hiện này nhấn mạnh lợi ích tiềm năng của việc kết hợp các nguyên tắc tài chính xanh trong các công ty Việt Nam, đặc biệt là những nguyên tắc ưu tiên các mục tiêu bền vững của quốc gia, như năng lượng tái tạo, nhằm đóng góp tích cực vào các sáng kiến bền vững tổng thể. Những kết quả này phù hợp với nghiên cứu trước đó (Tran và cộng sự, 2020).

Kết quả nghiên cứu cũng chứng minh rằng đầu tư xanh có ảnh hưởng tích cực và đáng kể đến tính bền vững. Tác động này của đầu tư xanh phù hợp với nghiên cứu nhấn mạnh tầm quan trọng của việc đầu tư vào các dự án thân thiện với môi trường vì mục đích phát triển bền vững (Tran và cộng sự, 2020). Đầu tư hướng tới các sáng kiến về năng lượng sạch và môi trường, phù hợp với các chương trình nghị sự về bền vững quốc tế ngày càng tăng tại Việt Nam (Thị và cộng sự, 2021). Phát hiện này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc chuyển hướng đầu tư vào các dự án bền vững về môi trường nhằm thúc đẩy các hoạt động bền vững trong các ngành công nghiệp và doanh nghiệp, phù hợp với các mục tiêu phát triển bền vững của đất nước. Ngoài ra, các kết quả khác cho thấy tác động tích cực và có ý nghĩa thống kê của đổi mới công nghệ đối với tính bền vững, phù hợp với nghiên cứu của Zheng và cộng sự (2021). Tại Việt Nam, tiến bộ công nghệ và đổi mới là trụ cột không thể thiếu trong chiến lược phát triển bền vững và tầm nhìn đến 2030, nhấn mạnh tính đa dạng hóa kinh tế và thúc đẩy tăng trưởng bền vững. Những kết quả này nhấn mạnh vai trò quan trọng của các doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam trong việc đầu tư vào công nghệ xanh, từ đó góp phần vào sự bền vững. Điều này nêu bật vai trò của tiến bộ công nghệ đối với tính bền vững.

Phát hiện quan trọng của nghiên cứu này là tài chính xanh có ảnh hưởng tích cực đến tính bền vững, tương tự nghiên cứu của Wang và cộng sự (2023). Điều này cho thấy việc ưu tiên các chiến lược tài chính có ý thức về môi trường phản ánh cam kết hướng tới phúc lợi xã hội và môi trường rộng hơn. Đầu tư xanh có ảnh hưởng tích cực và đáng kể đến trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, việc chuyển hướng đầu tư vào các dự án thân thiện với môi trường và thúc đẩy sự chú trọng cao độ vào các hoạt động CSR thể hiện mối liên hệ giữa đầu tư tập trung vào môi trường và thực hành CSR (Awawdeh và cộng sự, 2022). Trong bối cảnh các doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam, những kết quả này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc hướng đầu tư vào các dự án thân thiện với môi trường nhằm nuôi dưỡng văn hóa trách nhiệm xã hội trong các doanh nghiệp, phù hợp với các mục tiêu bền vững của quốc gia. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của

Zheng và cộng sự (2021). Công nghệ xanh có ảnh hưởng tích cực đến CSR cho thấy những đổi mới thân thiện với môi trường và các hoạt động bền vững đóng một vai trò quan trọng trong việc hình thành các mô hình CSR trong các doanh nghiệp. Kết quả nghiên cứu này giống với nghiên cứu của Guo và cộng sự (2020). CSR thể hiện ảnh hưởng tích cực và có ý nghĩa thống kê đến tính bền vững. Tác động đáng kể này của CSR đối với tính bền vững củng cố mối tương quan giữa CSR và nỗ lực bền vững toàn diện, tương tự nghiên cứu của Sachs và cộng sự (2019).

Kết quả tác động trung gian chỉ ra rằng CSR làm trung gian một phần cho mối quan hệ giữa tài chính xanh, đầu tư xanh, đổi mới công nghệ và tính bền vững trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam. Điều này ngụ ý rằng mặc dù mỗi yếu tố đóng góp độc lập vào kết quả bền vững nhưng tác động của chúng cũng được điều chỉnh thông qua CSR. Do đó, các hoạt động tài chính, quyết định đầu tư và chiến lược đổi mới có ý thức về môi trường nên gắn kết với CSR. Những phát hiện này phù hợp với nghiên cứu trước đây của Khababa & Jalingo (2023).

Quản trị doanh nghiệp điều tiết đáng kể mối quan hệ giữa CSR và tính bền vững. Điều này chỉ ra rằng các đặc điểm hoặc chiến lược nội bộ của công ty ảnh hưởng đến cách các sáng kiến CSR chuyển thành các hoạt động bền vững. Do đó, tối ưu hóa hiệu quả của CSR thông qua những sửa đổi trong quản trị doanh nghiệp có thể nâng cao tính bền vững. Trong bối cảnh kinh doanh của Việt Nam, điều này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc điều chỉnh cơ cấu tổ chức nội bộ với các sáng kiến CSR để tối đa hóa tác động của chúng đối với tính bền vững, nêu bật vai trò then chốt của quản trị doanh nghiệp trong việc tăng cường các sáng kiến CSR cho sự bền vững của các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

5. Kết luận

Nghiên cứu này điều tra vai trò trung gian của CSR trong mối quan hệ giữa tài chính xanh, đầu tư xanh, công nghệ xanh và tính bền vững của các doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam, dưới tác động điều tiết của quản trị doanh nghiệp. Dữ liệu được thu thập từ các nhà quản lý doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam cho thấy tác động tích cực và đáng kể của tài chính xanh, công nghệ và đầu tư đối với tính bền vững, phù hợp với xu hướng toàn cầu và cam kết của Việt Nam đối với các sáng kiến xanh của Việt Nam. Ngoài ra, CSR đóng vai trò là trung gian một phần, nâng cao tác động của các chiến lược tài chính, đầu tư và đổi mới đối với văn hóa kinh doanh bền vững. Tác động điều tiết của quản trị doanh nghiệp cũng được xác nhận, nhấn mạnh tầm quan trọng của các sáng kiến CSR trong việc tối ưu hóa tác động của chúng đối với tính bền vững. Như vậy, nghiên cứu nêu bật mối liên hệ phức tạp giữa các yếu tố này và nhấn mạnh sự cần

thiết của việc tích hợp tài chính xanh, đầu tư, đổi mới công nghệ, CSR và quản trị doanh nghiệp để tăng cường các nỗ lực bền vững.

Nghiên cứu đóng góp cả về mặt thực tiễn và lý thuyết. Nghiên cứu đã nhấn mạnh CSR là một trung gian, hướng tới tác động của các yếu tố tài chính và công nghệ theo hướng bền vững, nhấn mạnh vai trò của văn hóa tổ chức được hình thành bởi các hoạt động CSR. Việc xác định quản trị doanh nghiệp là một yếu tố điều tiết quan trọng sẽ làm phong phú thêm hiểu biết lý thuyết bằng cách nhấn mạnh ảnh hưởng của các cơ chế tổ chức nội bộ trong việc chuyển các sáng kiến CSR thành các hoạt động bền vững. Về mặt thực tiễn, những phát hiện của nghiên cứu có ý nghĩa quan trọng đối với hoạt động quản lý của các doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam. Kết quả nghiên cứu nhấn mạnh sự cần thiết của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong việc tích hợp các chiến lược tài chính có ý thức về môi trường, đầu tư trực tiếp vào các dự án thân thiện với môi trường và tận dụng các công nghệ đổi mới đồng thời tích cực thúc đẩy các hoạt động CSR. Hơn nữa, việc thừa nhận quản trị doanh nghiệp như một yếu tố điều tiết quan trọng cho thấy sự cần thiết của việc điều chỉnh các chiến lược và cơ cấu tổ chức nội bộ với các sáng kiến CSR.

6. Hạn chế của nghiên cứu

Mặc dù kết quả đã mang lại một số phát hiện quan trọng nhưng do mẫu khảo sát chỉ tập trung vào các doanh nghiệp nhỏ và vừa, chưa thực hiện đối với các doanh nghiệp lớn. Do đó, các nghiên cứu trong tương lai có thể mở rộng phạm vi nghiên cứu. Ngoài ra, nghiên cứu này sử dụng phương pháp định lượng là chủ yếu. Nghiên cứu trong tương lai có thể kết hợp với phương pháp khác để đưa ra những kết luận đa chiều hơn.

Tài liệu tham khảo

- Abdullah, A. H. (2021), 'Effect of Board Composition on the Corporate performance: The Moderating Role of Corporate Governance Practices in Iraq', *Psychology and Education Journal*, March. https://www.researchgate.net/profile/Ahmad-Almanasir/publication/350524011_Effect_of_Board_Composition_on_the_Corporate_performance_The_Moderating_Role_of_Corporate_Governance_Practices_in_Iraq/links/606489c4299bf173678116ec/Effect-of-Board-Composition-on
- Al-shamali, F. A., Sharif, A., & Irani, Z. (2013), 'Islamic banking reinterpretation of the stakeholder theory', *Oman Chapter of Arabian Journal of Business and Management Review*, 3(2), 63–71. <https://doi.org/10.5742/mejb.2013.84310>
- Aribi, Z. A., & Gao, S. S. (2012), 'Narrative disclosure of corporate social responsibility in Islamic financial institutions', *Managerial Auditing Journal*, 27(2), 82

199–222. <https://doi.org/10.1108/02686901211189862>

Awawdeh, A. E., Ananzeh, M., El-khateeb, A. I., & Aljumah, A. (2022), ‘Role of green financing and corporate social responsibility (CSR) in technological innovation and corporate environmental performance: a COVID-19 perspective’, *China Finance Review International*, 12(2), 297–316. <https://doi.org/10.1108/CFRI-03-2021-0048>

Bernal-Conesa, Andres, J., Nieto, de N., Carmen, Briones-Peñalver, & Juan, A. (2017), ‘CSR Strategy in Technology Companies: Its Influence on Performance, Competitiveness and Sustainability’, *Corporate Social Responsibility and Environmental Management*, 24(2), 96–107. <https://doi.org/10.1002/csr.1393>

Chen, X. H., Tee, K., Elnahass, M., & Ahmed, R. (2023), ‘Assessing the environmental impacts of renewable energy sources: A case study on air pollution and carbon emissions in China’, *Journal of Environmental Management*, 345(July), 118525. <https://doi.org/10.1016/j.jenvman.2023.118525>

Dikau, S., & Volz, U. (2021), ‘Central bank mandates, sustainability objectives and the promotion of green finance’, *Ecological Economics*, 184(March), 107022. <https://doi.org/10.1016/j.ecolecon.2021.107022>

Eccles, R. G., Serafeim, G., & Krzus, M. P. (2011), ‘Market Interest in Nonfinancial Information’, *Journal of Applied Corporate Finance*, 23(4), 113–127. <https://doi.org/10.1111/j.1745-6622.2011.00357.x>

Freudenreich, B., Lüdeke-Freund, F., & Schaltegger, S. (2020), ‘A Stakeholder Theory Perspective on Business Models: Value Creation for Sustainability’, *Journal of Business Ethics*, 166(1), 3–18. <https://doi.org/10.1007/s10551-019-04112-z>

Garvare, R., & Johansson, P. (2010), ‘Management for sustainability—a stakeholder theory’, *Total Quality Management*, 21(7), 737–744. <https://doi.org/10.1080/14783363.2010.483095>

Goodpaster, K. E. (1991), Business ethics and stakeholder analysis, *Business Ethics Quarterly*, 53–73.

Guo, M., Nowakowska-Grunt, J., Gorbanyov, V., & Egorova, M. (2020), ‘Green technology and sustainable development: Assessment and green growth frameworks’, *Sustainability (Switzerland)*, 12(16). <https://doi.org/10.3390/su12166571>

Hair, F., J., Matthews, L. M., Matthews, R. L., & Sarstedt, M. (2017), ‘PLS-SEM or CB-SEM: updated guidelines on which method to use’, *International Journal of Multivariate Data Analysis*, 1(2), 107. <https://doi.org/10.1504/ijmda.2017.10008574>

Henseler, J. (2017), Partial least squares path modeling, In *Advanced methods for modeling markets*. https://link.springer.com/chapter/10.1007/978-3-319-53469-5_12

- Ioannou, I., & Serafeim, G. (2019), ‘Corporate Sustainability: A Strategy? In SSRN *Electronic Journal*. <https://doi.org/10.2139/ssrn.3312191>
- Jain, T., Zicari, A., & Aguilera, R. V. (2023), ‘Corporate governance and corporate social responsibility: Revisiting their inter-relationship’, *Research Handbook on Corporate Governance and Ethics*, 113–129. <https://doi.org/10.4337/9781800880603.00015>
- Khababa, N., & Jalingo, M. U. (2023), ‘Impact of green finance, green investment, green technology on SMES sustainability: role of corporate social responsibility and corporate governance’, *International Journal of Economics and Finance Studies*, 15(03), 438–461. <https://doi.org/10.34109/ijefs.202315321>
- Liu, H., Yao, P., Latif, S., Aslam, S., & Iqbal, N. (2022). Impact of Green financing, FinTech, and financial inclusion on energy efficiency. *Environmental Science and Pollution Research*, 29(13), 18955–18966. <https://doi.org/10.1007/s11356-021-16949-x>
- Lozano, J. M. (2012). Towards the relational corporation: from managing stakeholder relationships to building stakeholder relationships (waiting for Copernicus). *Corporate Governance: The International Journal of Business in Society*, 5(2), 60–77. <https://doi.org/10.1108/14720700510562668>
- Maignan, I., Ferrell, O. C., & Hult, G. T. M. (1997). Corporate Citizenship : Cultural Antecedents and Business Benefits. *Journal of the Academy of Marketing Science*, 27(4), 455–469. <https://doi.org/10.1177/0092070399274005>
- Mukhtaruddin, M., Ubaidillah, U., Dewi, K., Hakiki, A., & Nopriyanto, N. (2019). Good Corporate Governance, Corporate Social Responsibility, Firm Value, and Financial Performance as Moderating Variable. *Indonesian Journal of Sustainability Accounting and Management*, 3(1), 55. <https://doi.org/10.28992/ijSAM.v3i1.74>
- Naciti, V., Cesaroni, F., & Pulejo, L. (2022), ‘Corporate governance and sustainability: a review of the existing literature’, *Journal of Management and Governance*, 26(1), 55–74. <https://doi.org/10.1007/s10997-020-09554-6>
- Ngân, N. T., & Việt, T. Q. (2022), ‘Nguồn tài chính để các doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam hướng tới nền kinh tế tuần hoàn’, *Tạp Chí Kinh Tế Châu Á - Thái Bình Dương*, 4, 117–119.
- Pambudi, W. F., Dian, W., Suherman, Leonardus, S. B. A. M., & Sukrisno. (2022), ‘How Do Green Investment, Corporate Social Responsibility Disclosure, and Social Collaborative Initiatives Drive Firm’s Distribution Performance?*, *Journal of Distribution Science*, 20(4), 51–63. <https://doi.org/10.15722/jds.20.04.202204.51>
- Raberto, M., Ozel, B., Ponta, L., Teglio, A., & Cincotti, S. (2019), ‘From financial

- instability to green finance: the role of banking and credit market regulation in the Eurace model', *Journal of Evolutionary Economics* (Vol. 29, Issue 1). <https://doi.org/10.1007/s00191-018-0568-2>
- Rehman, S. U., Kraus, S., Shah, S. A., Khanin, D., & Mahto, R. V. (2021), 'Analyzing the relationship between green innovation and environmental performance in large manufacturing firms', *Technological Forecasting and Social Change*, 163, 120481. <https://doi.org/10.1016/j.techfore.2020.120481>
- Sachs, J. D., Woo, W. T., Yoshino, N., & Taghizadeh-Hesary, F. (2019). Importance of Green Finance for Achieving Sustainable Development Goals and Energy Security. *Handbook of Green Finance*, 3–12. https://doi.org/10.1007/978-981-13-0227-5_13
- Sharma, M., & Choubey, A. (2022), 'Green banking initiatives : a qualitative study on Indian banking sector', *Environment, Development and Sustainability*, 24(1), 293–319. <https://doi.org/10.1007/s10668-021-01426-9>
- Thị, V., Thủy, T., & Nhung, Đ. H. (2021), 'Đầu Tư Xanh Cho Phát Triển Bền Vững: Nghiên Cứu Thực Nghiệm Tại Các Doanh Nghiệp Việt Nam', *Tạp Chí Kinh Tế Phát Triển*, 294, 2021.
- Tran, T. T. T., Do, H. N., Vu, T. H., & Do, N. N. M. (2020), 'The factors affecting green investment for sustainable development', *Decision Science Letters*, 9(3), 365–386. <https://doi.org/10.5267/j.dsl.2020.4.002>
- Wang, L., Ur Rehman, A., Xu, Z., Amjad, F., & Ur Rehman, S. (2023), Green Corporate Governance, Green Finance, and Sustainable Performance Nexus in Chinese SMES: A Mediation Moderation Model, *Sustainability (Switzerland)*, 15(13). <https://doi.org/10.3390/su15139914>
- Wasiq, M., Kamal, M., & Ali, N. (2023), Factors Influencing Green Innovation Adoption and Its Impact on the Sustainability Performance of Small- and Medium-Sized Enterprises in Saudi Arabia, *Sustainability (Switzerland)*, 15(3). <https://doi.org/10.3390/su15032447>
- Wu, L., & Jin, S. (2022). Corporate Social Responsibility and Sustainability: From a Corporate Governance Perspective. *Sustainability (Switzerland)*, 14(22), 1–15. <https://doi.org/10.3390/su142215457>
- Xu, H., Mei, Q., Shahzad, F., Liu, S., Long, X., & Zhang, J. (2020), Untangling the impact of green finance on the enterprise green performance: a meta-analytic approach, *Sustainability (Switzerland)*, 12(21), 1–16. <https://doi.org/10.3390/su12219085>
- Yang, J., & Basile, K. (2022), 'Communicating Corporate Social Responsibility: External Stakeholder Involvement, Productivity and Firm Performance', *Journal of*

Business Ethics, 178(2), 501–517. <https://doi.org/10.1007/s10551-021-04812-5>

Ye, J., & Dela, E. (2023). The Effect of Green Investment and Green Financing on Sustainable Business Performance of Foreign Chemical Industries Operating in Indonesia: The Mediating Role of Corporate Social Responsibility. *Sustainability (Switzerland)*, 15(14). <https://doi.org/10.3390/su151411218>

Zheng, G. W., Siddik, A. B., Masukujjaman, M., & Fatema, N. (2021), ‘Factors affecting the sustainability performance of financial institutions in Bangladesh: The role of green finance’, *Sustainability (Switzerland)*, 13(18), 1–27. <https://doi.org/10.3390/su131810165>

THE IMPACT OF CORPORATE GOVERNANCE AND CORPORATE SOCIAL RESPONSIBILITY ON THE SUSTAINABILITY OF VIETNAMESE SMALL AND MEDIUM ENTERPRISES

Tang My Sang

Abstract. This study was conducted to explore the mediating role of corporate social responsibility in the relationship between green finance, green investment, green technology and sustainability, and to investigate the moderate effect of corporate governance. The article uses quantitative research methods, collecting data from 280 employees working at small and medium-sized enterprises in Vietnam. The results of SEM model analysis show a positive and statistically significant impact of green finance, green investment and green technology on sustainability. In addition, the results also confirm the mediating role of CSR in the relationship between green finance, green investment, green technology and sustainability. Corporate governance is also identified as an important regulatory factor, shaping the transformation of CSR initiatives into sustainable activities. The study has made a theoretical contribution by emphasizing the importance of green finance, green investment, technological innovation, CSR and corporate governance in influencing sustainable outcomes in Vietnam. In practice , research promotes sustainability, informing strategic financial decisions, CSR initiatives, technological advancements and internal governance mechanisms for Vietnamese SMEs.

Keywords: Green technology; Green investment; Corporate governance; Sustainable development; Green finance; Corporate social responsibility.